TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2021/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn và bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLPT-DS ngày 17/8/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk bị nguyên đơn kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2021/QĐ-PT ngày 20/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thành N - Sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nghĩa: Ông Lê Duy B - Sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố N thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn*:* Bà Võ Thị Hồng H - Sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hạnh: Ông Nguyễn Đức D - Sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: 159 Lê Thánh T, phường T, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

-Người làm chứng: Bà Lưu Thị Ánh H1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 96 Nguyễn Tất T, tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Thành N.

- Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Thành N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B trình bày:***

Bà Nguyễn Thị P (vợ ông N) có mua bảo hiểm của bà Võ Thị Hồng H, đồng thời bà H có quan hệ làm ăn, thân thiết với ông Trần Thành N nên ông N đã cho bà H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 1.600.000.000đồng *(Một tỷ sáu trăm triệu đồng),* cụ thể: Ngày 11/01/2019 vay 700.000.000 đồng, vay thành 02 lần, lần một 500.000.000 đồng, lần hai 200.000.000 đồng. Lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng; Ngày 18/01/2019 vay thêm 900.000.000 đồng. Lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng. Các lần vay, hai bên gọi điện thoại cho nhau, thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả mà không lập thành văn bản. Ông N đã chuyển tiền vào số tài khoản 5210205038391 của bà Võ Thị Hồng H tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M. Quá trình vay tiền, bà H chưa trả khoản nợ gốc, lãi nào. Đến hạn thanh toán, bà H không trả được nợ, ông N đã nhiều lần đòi nợ, bà H hứa hẹn nhưng vẫn không trả.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông N 1.893.000.000 đồng, bao gồm 1.600.000.000 đồng nợ gốc và 293.000.000 đồng nợ lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi 293.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H phải trả tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Võ Thị Hồng H và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:*** Trước khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, bà H không biết ông N là ai. Bà H chưa từng tiếp xúc, gặp mặt hay có mối quan hệ vay mượn gì với ông N. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý từ Tòa án, bà H nhờ người quen xác minh tại thị trấn E, huyện E thì mới biết ông N có quan hệ thân thích với bà Lưu Thị Ánh H1. Bà H1 và bà H quen biết nhau, từ ngày 03/01/2019 đến 18/01/2019 bà H vay bà H1 nhiều lần với số tiền là 6.400.000.000 đồng, nhưng bà H đã trả dư cho bà H1 600.000.000 đồng (bà H1 không trả lại số tiền mà bà H đã trả dư cho bà H1, nên bà H đã khởi kiện bà H1 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, trước khi ông N khởi kiện bà H tại Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk). Những lần bà H đến nhà bà H1 vay tiền, bà H viết giấy nhận nợ, bà H1 trực tiếp giao tiền mặt cho bà H. Nhưng cũng nhiều lần, do bận công việc, cần tiền gấp để đáo hạn Ngân hàng, bà H gọi điện trao đổi với bà H1 chuyển tiền vào tài khoản cho bà H vay, nên bà H1 nhờ người khác trong đó có ông N chuyển tiền giúp vào tài khoản của bà H. Mỗi lần bà H vay tiền của bà H1, bà H thông tin trao đổi qua điện thoại. Sau khi

có tiền chuyển vào tài khoản của bà H, bà H1 đều yêu cầu bà H đến nhà bà H1 để ký giấy nhận nợ. Bà H chỉ biết số dư trong tài khoản tăng, trao đổi qua điện thoại thì được biết bà H1 đã chuyển tiền vào tài khoản, chứ bà H không biết và không cần biết tên người đã chuyển tiền vào tài khoản của bà H. Thường ngày, bà H giao dịch nhận, chuyển tiền cho nhiều người, đều phải xác nhận qua thông tin và ký xác nhận vay, trả tiền. Sau khi chốt nợ, bà H thừa nhận nợ bà H1 6.400.000.000 đồng, bà H1 đưa các giấy tờ bà H viết nhận nợ với bà H1.

Số tiền ông N khởi kiện bà H theo các chứng từ giao dịch ông N chuyển khoản vào tài khoản của bà H chính là số tiền bà H vay của bà H1 như đã nêu trên. Bà H thừa nhận số tài khoản 5210205038391 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam là của bà H. Sau khi bà H thực hiện sao kê tài khoản tại Ngân hàng, bà H mới phát hiện có 04 giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của bà H ghi nội dung "THANH NGHIA CT", cụ thể ngày 04/01/2019 chuyển 600.000.000 đồng, ngày 11/01/2019 chuyển 02 lần với số tiền 700.000.000 đồng, 18/01/2019 chuyển 900.000.000 đồng. Bà H và ông N không trực tiếp hoặc trao đổi qua điện thoại, nhắn tin, thư điện tử hay mạng xã hội. Nếu ông N chuyển tiền nhầm vào tài khoản bà H, thì trong thời gian ngắn ông N đã yêu cầu bà H phải chuyển trả lại. Thực tế, bà H làm dịch vụ cho Bảo hiểm, bà H hay đến quán bà H1 để giao dịch vay và trả tiền, bà P (vợ ông N) làm nhân viên ở quán bà H1, nên có thể bà H làm hợp đồng Bảo hiểm cho bà P, nên ông N cung cấp tài liệu này cho Tòa án là không có giá trị chứng minh mối quan hệ thân thiết giữa bà H với ông N. Do đó, bà H không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông N cũng như những nội dung trình bày của đại diện cho nguyên đơn.

**** Người làm chứng bà Lưu Thị Ánh H1 trình bày:*** Ông N là người làm thuê cho bà H1. Qua giới thiệu, được biết bà H chuyên cho vay đáo hạn Ngân hàng, nên bà H1 quen biết với bà Võ Thị Hồng H. Đầu năm 2019, bà H đến nhà bà H1, bà H1đã trực tiếp cho bà H vay tiền mặt nhiều lần, tổng cộng là 6.400.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền, bà H đều viết giấy nhận nợ. Hiện nay, bà H đã trả nợ xong cho bà H1, nên toàn bộ giấy vay tiền do bà H viết nhận nợ với bà H1 đã hủy bỏ. Bà H1 cho bà H vay tiền, không liên quan đến ông N, bà H1 không nhờ ông N chuyển tiền vào tài khoản cho bà H vay. Ông Nkhởi kiện bà Hphải trả 1.600.000.000 đồng tiền gốc và 293.000.000 đồng tiền lãi, không liên quan gì đến bà H1, bà H1 không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

"Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 91, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Bác một phần đơn khởi kiện của ông Trần Thành N về yêu cầu bà Võ Thị Hồng H phải trả cho ông N 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), theo 03 giấy nộp tiền ghi ngày 11/01/2019 và 18/01/2019.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Thành N yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Hồng H phải trả 293.000.000 đồng tiền lãi".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 08/7/2021, nguyên đơn ông Trần Thành N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đối với bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Võ Thị Hồng H xuất trình chứng mới là tin nhắn từ số điện thoại 0827.505.257 đến số điện thoại 0905.062.728, nội dung bà H cung cấp số tài khoản cho bà H1 và ngày 18/01/2019 bà H đã nhận 900.000.000 đồng bà H1 gửi.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại các giấy nộp tiền và chuyển tiền không thể hiện nội dung của khoản tiền chuyển nhằm mục đích gì, vay tiền, mua bán tài sản, trả nợ…; ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông N có liên lạc với bà H trong và sau khoảng thời gian ông N cho bà H vay tiền như lịch sử cuộc gọi, tín nhắn, thư điện tử. Bà H thừa nhận có nhận 1.600.000.000 đồng của ông N nhưng không thừa nhận đó là khoản tiền vay của ông N mà là vay bà H1, tuy nhiên trong các giấy nhận nợ mà bà H cung cấp không thể hiện có khoản tiền 1.600.000.000 đồng do N chuyển thay cho bà H1. Đồng thời bà H1 cũng xác nhận không có nhờ N chuyển số tiền 1.600.000.000 đồng cho H. Như vậy, số tiền 1.600.000.000 đồng ông N chuyển cho bà H là có thật, bà H đã sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nên phải trả lại tài sản theo khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp "Kiện đòi tài sản". Nguyên đơn khởi kiện cho rằng nguyên đơn cho bị đơn vay 1.600.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh

chấp hợp đồng vay tài sản" nhưng trong bản án không áp dụng các điều luật của hợp đồng vay tài sản để giải quyết. Tại phiên tòa, bà H cung cấp chứng cứ mới nhưng cấp phúc thẩm không thể làm rõ được. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án, giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị, nguyên đơn ông Trần Thành N kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thành N.

Giấy nộp tiền ngày 11/01/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện E - Phòng Giao dịch Nguyễn Tất Thành thể hiện Trần Thành N nộp 500.000.000 đồng vào tài khoản của bà Võ Thị Hồng H, tại mục nội dung không ghi thông tin gì.

Giấy nộp tiền ngày 11/01/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện E - Phòng Giao dịch Nguyễn Tất Thành thể hiện Trần Thành N nộp 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà Võ Thị Hồng H, tại mục nội dung không ghi thông tin gì.

Chứng từ giao dịch ngày 18/01/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện E, Bắc Đắk Lắk thể hiện Trần Thành N chuyển khoản 900.000.000 đồng cho bà Võ Thị Hồng H, tại mục nội dung ghi "THANH NGHIA CT".

Theo các giấy nộp và chuyển tiền trên thì nguyên đơn Trần Thành N đã chuyển cho bị đơn Võ Thị Hồng H tổng cộng 1.600.000.000 đồng. Ông N khởi kiện cho rằng số tiền này ông cho bà H vay, vì quen biết nên hai bên chỉ trao đổi qua điện thoại, thỏa thuận với nhau về số tiền vay, lãi suất và thời hạn trả. Do các giấy nộp tiền và chuyển tiền không thể hiện nội dung của khoản tiền nộp, chuyển cho bà H, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông N cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông N có liên lạc, giao dịch với bà H trong và sau khoảng thời gian ông N cho bà H vay tiền như lịch sử điện thoại, tin nhắn trên các mạng xã hội, phương tiện điện tử, thư điện tử … nhưng ông N không cung cấp được (bút lục số 73). Như vậy, ông N cho rằng hai bên trao đổi, thỏa thuận việc vay tiền qua điện thoại là không có thực.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có nhận được số tiền 1.600.000.000 đồng do ông N chuyển nhưng không thừa nhận đây là khoản tiền

bà H vay ông N. Bà H cho rằng khoản tiền 1.600.000.000 đồng ông N khởi kiện nằm trong khoản vay 6.400.000.000 đồng mà bà H vay bà Lưu Thị Ánh H1. Bà H xuất trình các giấy vay tiền giữa bà H1 và bà H, trong đó có giấy thỏa thuận trả nợ lập ngày 31/3/2019 thể hiện từ ngày 03/01/2019 đến ngày 18/01/2019 bà H có mượn của bà H1 6.400.000.000 đồng, đã trả được 4.600.000.000 đồng, còn nợ lại 1.800.000.000 đồng. Do vay tiền nhiều lần của bà H1, khi thì bà H1 giao tiền mặt khi thì bà H1 chuyển tiền hoặc nhờ người khác chuyển tiền vào tài khoản cho bà H, khi nhận được tiền thì bà H sẽ gọi điện thoại cho bà H1 để xác nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xuất trình chứng cứ là tin nhắn từ số điện thoại 0905.062.xxx của bà H cho số điện thoại 0827.505.xxx của bà H1, thể hiện ngày 04/01/2019 bà H cung cấp cho bà H1 số tài khoản của bà H1 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh M và ngày 18/01/2019 bà H đã nhận được khoản tiền 900.000.000 đồng vay của bà H1.

Theo Công văn số 2209/TTKD-DLC-ĐHNV ngày 29/9/2021 của Trung Tâm kinh doanh VNPT Đắk Lắk thể hiện: Chủ thuê bao số điện thoại 0827.505.xxx là bà Lưu Thị Ánh H1, trú tại 96 Nguyễn Tất T, khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Kiểm tra điện thoại của bà Hạnh thì số điện thoại 0905.062.xxx bà H vẫn đang sử dụng.

Như vậy, theo tin nhắn và các giấy biên nhận nợ giữa bà H1 và bà H thì bà H vay 6.400.000.000 đồng của bà H1 là có thật, có khoản tiền vay bà H1 giao tiền mặt, có khoản tiền vay bà H1 nhờ người khác chuyển khoản cho bà H, trong đó có khoản vay 1.600.000.000 đồng bà H1 nhờ ông N chuyển khoản cho bà H. Số tiền vay, thời gian vay ghi trên các giấy biên nhận nợ, tin nhắn điện thoại giữa bà H và bà H1 phù hợp với số tiền và thời gian ghi trên giấy nộp tiền và chuyển tiền của ông N cho bà H. Do vậy, có cơ sở kết luận khoản tiền 1.6000.000.000 đồng mà ông N khởi kiện chính là khoản tiền mà bà H vay của bà H1. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với Điều 400, Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng nguyên đơn cho bị đơn vay 1.600.000.000 đồng, vì quen biết nên thỏa thuận qua điện thoại, không lập văn bản giấy tờ gì và xuất trình giấy nộp tiền và chuyển tiền cho bị đơn vào ngày 11/01/2019 và ngày 18/01/2019. Từ ngày nguyên đơn nộp, chuyển tiền đến ngày nguyên đơn khởi kiện 01/12/2020 là 01 năm 11 tháng nhưng nguyên đơn không có ý kiến gì nên đây không phải là sự nhầm lẫn trong việc chuyển tiền. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án, Tòa

án cấp sơ thẩm không áp dụng các điều luật của hợp đồng vay tài sản để giải quyết là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Tại các giấy nộp tiền và chuyển tiền không thể hiện nội dung của khoản tiền chuyển nhằm mục đích gì, là vay tiền, mua bán tài sản, trả nợ…; ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông N có liên lạc với bà H trong và sau khoảng thời gian ông N cho bà H vay tiền như lịch sử cuộc gọi, tin nhắn, thư điện tử. Bà H không thừa nhận vay tiền của ông N; Theo lời khai của bà H, thời gian ông N chuyển tiền cho bà H phù hợp với thời gian bà H vay tiền của bà H1 được ghi trên giấy thỏa thuận trả nợ lập ngày 31/3/2019, phù hợp với tin nhắn điện thoại giữa bà H và bà H1. Như vậy, có căn cứ cho rằng bà H không vay tiền của ông N. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông N là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng bổ sung điều luật về hợp đồng vay tài sản, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thành N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thành N nên ông Nghĩa phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thành N.

Giữ nguyên Bản án số 12/2021/DSST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 119, Điều 400, Điều 463 Bộ luật dân sự,

- Bác một phần đơn khởi kiện của ông Trần Thành N về yêu cầu bà Võ Thị Hồng H phải trả cho ông N 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), theo 03 giấy nộp tiền ghi ngày 11/01/2019 và 18/01/2019.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Thành N về yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Hồng H phải trả 293.000.000 đồng tiền lãi.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thành N phải chịu 60.000.000 đồng, được trừ vào 34.395.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 14507 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk, ông Nghĩa còn phải nộp 25.605.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thành N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 60AA/2021/0005137 ngày 12/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
-.....;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh Vân